

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ nước ngoài đối với các chương trình, dự án của Đại học Thái Nguyên

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 1448/QĐ-ĐHTN ngày 03/9/2014 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 06/2011/TT-BGDĐT ngày 11/02/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ nước ngoài;

Xét đề nghị của ông Trưởng ban Ban Hợp tác quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ nước ngoài đối với các chương trình, dự án của Đại học Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông/bà Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban chức năng, Hiệu trưởng các cơ sở giáo dục đại học thành viên, Trưởng các đơn vị trực thuộc, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này ./.

Nơi nhận: 
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, HTQT.

GIÁM ĐỐC



GS.TS. Đặng Kim Vui

QUY ĐỊNH

Quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ nước ngoài đối với các chương trình, dự án của Đại học Thái Nguyên

(Ban hành theo Quyết định số: 534/QĐ-ĐHTN ngày 31 tháng 3 năm 2016 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về hình thức quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ nước ngoài đối với các chương trình, dự án của Đại học Thái Nguyên, bao gồm: nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (sau đây gọi tắt là ODA) và khoản viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (sau đây gọi tắt là PCPNN).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng cho tất cả chương trình, dự án ODA và các khoản viện trợ PCPNN do các cơ sở giáo dục đại học thành viên (CSGDĐHTV), đơn vị trực thuộc Đại học Thái Nguyên vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng.

Đối với các chương trình, dự án ODA và các khoản viện trợ PCPNN về hợp tác trong giáo dục giữa Đại học Thái Nguyên và các trường đại học, tổ chức, đơn vị là đối tác của Đại học Thái Nguyên, khi bắt đầu được triển khai, Đại học Thái Nguyên giao cho Ban Hợp tác quốc tế là đầu mối tiếp nhận hồ sơ chương trình, dự án, đồng thời phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc tham gia ý kiến thẩm định và trình Ban Giám đốc phê duyệt.

Điều 3. Nguồn hỗ trợ nước ngoài

1. Nguồn hỗ trợ phát triển chính thức ODA gồm:
 - a) Chương trình, dự án ODA không hoàn lại;
 - b) Chương trình, dự án ODA vay ưu đãi;
 - c) Chương trình, dự án vốn ODA thông thường hoặc hỗn hợp.
2. Nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài PCPNN gồm:
 - a) Viện trợ thông qua các chương trình, dự án;
 - b) Viện trợ phi dự án: là các khoản viện trợ không phải là chương trình, dự án, được cung cấp dưới dạng hiện vật, tiền hoặc chuyên gia (kể cả chuyên gia tình nguyện).

Điều 4. Nguyên tắc vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng

Hoạt động vận động, tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ nước ngoài phải tuân theo các nguyên tắc sau:

1. Đại học Thái Nguyên thống nhất về mặt quản lý nhà nước đối với các chương trình, dự án ODA và PCPNN mà các cơ sở giáo dục đại học thành viên, các đơn vị trực thuộc Đại học Thái Nguyên được tiếp nhận hoặc vận động được và triển khai thực hiện.

2. Các chương trình, dự án hỗ trợ nước ngoài đều phải có đề án, dự án và thông qua quy trình thẩm định của Đại học Thái Nguyên nhằm đảm bảo sự thống nhất về quản lý nhà nước và đúng với định hướng chiến lược phát triển chung trong toàn Đại học; Đại học Thái Nguyên trình Bộ Giáo dục và Đào tạo các chương trình, dự án đề nghị cho phép tiếp nhận tài trợ theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Chương trình, dự án khi được xây dựng và triển khai phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam và các cam kết với nhà tài trợ nếu được phê duyệt. Trong trường hợp các quy định hoặc điều kiện viện trợ của nhà tài trợ khác với các quy định của pháp luật Việt Nam thì phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 5. Căn cứ và cơ sở pháp lý

Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/04/2013 về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ;

Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài;

Thông tư số 06/2011/TT-BGDĐT ngày 11/02/2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ nước ngoài;

Thông tư số 01/2014/TT-BKHĐT ngày 09/01/2014 Hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23/04/2013 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ;

Thông tư số 07/2010/TT-BKH ngày 30/3/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 ban hành quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài;

Thông tư số 218/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính quy định về quản lý tài chính đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vay ưu đãi nước ngoài của các nhà tài trợ;

Thông tư số 225/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước;

Thông tư 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/3/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Quyết định số 1448/QĐ-ĐHTN ngày 03/9/2014 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế của Đại học Thái Nguyên.

Điều 6. Giải thích từ ngữ

Trong quy định này các khái niệm dưới đây được hiểu như sau:

a) **“Dự án”** là một tập hợp các hoạt động được sắp xếp theo trình tự thời gian nhất định và có liên quan tới nhau nhằm đạt được một hoặc một số mục tiêu thực hiện trong một thời hạn nhất định, dựa trên những nguồn lực xác định. Dự án bao gồm dự án đầu tư, dự án hỗ trợ kỹ thuật và dự án phát triển.

b) **“Chương trình”** là một nhóm đề tài hoặc dự án được tập hợp theo một mục đích xác định.

c) **“Văn kiện chương trình, dự án”** là tài liệu chính thức bằng văn bản thể hiện cam kết giữa đại diện của bên tiếp nhận và đại diện của bên tài trợ về một chương trình hoặc dự án cụ thể, trong đó xác định rõ: mục tiêu, các hoạt động, các kết quả cần đạt được, nguồn lực sử dụng, thời gian và kế hoạch thực hiện, nghĩa vụ, quyền lợi và trách nhiệm của các bên liên quan.

CHƯƠNG II

VẬN ĐỘNG, ĐÀM PHÁN, KÝ KẾT CHO CÁC CHƯƠNG TRÌNH DỰ ÁN SỬ DỤNG NGUỒN HỖ TRỢ NƯỚC NGOÀI

Điều 7. Vận động nguồn hỗ trợ nước ngoài

1. Trên cơ sở các đề xuất vận động nguồn hỗ trợ nước ngoài của các đơn vị, Ban hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với các Ban chức năng và các đơn vị liên quan tổ chức thẩm định và tham mưu cho Giám đốc Đại học, đồng thời hoàn tất các thủ tục pháp lý kêu gọi đầu tư, vận động tài trợ, tiếp nhận tài trợ, quản lý và sử dụng nguồn vốn tài trợ.

2. Các CSGDĐHTV, đơn vị trực thuộc Đại học Thái Nguyên chủ động vận động các nguồn hỗ trợ nước ngoài trên cơ sở các lĩnh vực ưu tiên của đơn vị và phù hợp với định hướng chiến lược phát triển chung của toàn Đại học để đàm phán xin tài trợ.

3. Hàng năm, trên cơ sở đề xuất các chương trình, dự án từ các CSGDĐHTV, đơn vị trực thuộc Đại học Thái Nguyên tổng hợp và đưa vào danh mục vận động nguồn hỗ trợ nước ngoài.

Điều 8. Xây dựng danh mục các chương trình, dự án

1. Hàng năm, các CSGDDHTV và các đơn vị trực thuộc chủ động đề xuất và lên kế hoạch cho các chương trình, dự án, đề án sử dụng nguồn hỗ trợ nước ngoài của đơn vị mình về Ban hợp tác quốc tế để theo dõi và quản lý.

2. Ban Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan rà soát, tổng hợp trình Hội đồng thẩm định, phê duyệt trước khi trình lãnh đạo Đại học Thái Nguyên ký phê duyệt danh mục đồng thời có văn bản gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo đề nghị đưa vào danh mục các chương trình, dự án phê duyệt hàng năm của Bộ.

3. Sau khi Hội đồng thẩm định xem xét phê duyệt, Ban Hợp tác quốc tế thông báo cho các CSGDDHTV, đơn vị trực thuộc để các đơn vị trực tiếp thực hiện chương trình, dự án tiến hành xây dự đề cương chi tiết và hoàn thiện các thủ tục pháp lý tiếp theo.

4. Đối với các trường hợp khác, việc tổng hợp danh mục các chương trình, dự án được thực hiện như sau:

a) Trường hợp các đơn vị tự vận động được các chương trình, dự án thì chủ động xây dựng chương trình, dự án. Sau khi có văn bản thoả thuận với nhà tài trợ, đơn vị có tờ trình kèm theo văn kiện chi tiết của các chương trình, dự án gửi Ban Hợp tác quốc tế thẩm định trước khi trình Giám đốc Đại học Thái Nguyên và Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét ra quyết định cho tiếp nhận.

b) Trường hợp đối tác chủ động đề xuất và thoả thuận với các đơn vị về các chương trình, dự án thì đơn vị có tờ trình kèm theo văn kiện chi tiết của các chương trình, dự án gửi Ban Hợp tác quốc tế để thẩm định, trình lãnh đạo Đại học Thái Nguyên cho ý kiến trình Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, quyết định cho tiếp nhận tài trợ.

Điều 9. Đàm phán, ký kết

Các CSGDDHTV và các đơn vị trực thuộc Đại học Thái Nguyên có thể chủ động liên hệ, trực tiếp vận động, đàm phán và trình Giám đốc Đại học Thái Nguyên (thông qua Ban Hợp tác quốc tế) ký kết văn bản ghi nhớ hoặc thoả thuận hợp tác, trên cơ sở các thoả thuận ghi nhớ các đơn vị sẽ chủ động bàn bạc và ký kết các hợp đồng triển khai thực hiện và các điều khoản thi hành cho chương trình, dự án được tiếp nhận.

CHƯƠNG III

XÂY DỰNG VĂN KIẾN, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT, KÝ KẾT CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG NGUỒN HỖ TRỢ NƯỚC NGOÀI

Điều 10. Xây dựng hồ sơ văn kiện chương trình, dự án

Hồ sơ văn kiện chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ ODA hoặc khoản viện trợ PCPNN phải được xây dựng theo mẫu tại Phụ lục 1a, 1b, 1c của Thông tư số 07/2010/TT-BKH ngày 30/3/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thi hành

Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN; hồ sơ viện trợ phi dự án phải được xây dựng theo quy định tại Điều 9 của Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN ban hành kèm theo Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ.

Đơn vị được giao làm chủ trì cho các chương trình, dự án này chịu trách nhiệm xây dựng văn kiện và hoàn thiện các thủ tục pháp lý theo quy định và hướng dẫn hiện hành.

Điều 11. Thẩm định và đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt chương trình, dự án

1. Sau khi dự án được nhà tài trợ cam kết hợp tác hoặc tài trợ, đơn vị chủ trì gửi hồ sơ văn kiện về Ban Hợp tác quốc tế - Đại học Thái Nguyên để thẩm định về mặt pháp lý và nội dung đồng thời có văn bản đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tiếp nhận dự án, chương trình.

2. Hồ sơ thẩm định

- Văn bản đề nghị trình thẩm định, phê duyệt chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ nước ngoài của đơn vị chủ trì;

- Văn bản của phía đối tác thông báo cam kết viện trợ hoặc cam kết xem xét tài trợ cho chương trình, dự án;

- Hồ sơ văn kiện chương trình, dự án (bản dự án, đề án) sử dụng nguồn hỗ trợ nước ngoài, vốn ODA hoặc PCPNN bằng tiếng Việt và tiếng Anh, số lượng 10 bộ (trong đó có ít nhất 01 bộ gốc);

- Các văn bản thỏa thuận, bản ghi nhớ với đối tác và nhà tài trợ (hoặc đại diện nhà tài trợ nếu có), các văn bản và ý kiến trả lời của các cơ quan liên quan trong quá trình chuẩn bị chương trình, dự án, báo cáo của đoàn chuyên gia thẩm định thực hiện theo yêu cầu của nhà tài trợ (nếu có);

- Báo cáo thực hiện chương trình, dự án (bao gồm cả báo cáo hoạt động, báo cáo tài chính) của giai đoạn trước đối với những chương trình, dự án được thực hiện giai đoạn tiếp theo.

- Đối với các khoản viện trợ PCPNN, hồ sơ thẩm định cần bổ sung thông tin liên quan về đăng ký hoạt động hoặc tư cách pháp nhân của Bên tài trợ.

3. Ban Hợp tác quốc tế là đầu mối thụ lý hồ sơ và tổ chức thẩm định theo quy định, chịu trách nhiệm quản lý về mặt nhà nước có nhiệm vụ kiểm tra giám sát thực hiện và quản lý chương trình, dự án đối với các CSGDDHTV, đơn vị trực thuộc và phối hợp với các đơn vị liên quan giải quyết những vướng mắc phát sinh và hỗ trợ pháp lý trong quá trình tổ chức triển khai. Trong quá trình thẩm định, đơn vị chủ trì chương trình, dự án có thể được yêu cầu hoàn thiện nội dung văn kiện nếu cần thiết.

4. Thời hạn thẩm định

Thời hạn thẩm định đối với các chương trình, dự án ODA là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ cho các chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật và 45 ngày làm việc đối với các chương trình, dự án đầu tư. Thời hạn thẩm định đối với các khoản viện trợ PCPNN là 20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

3. Trên cơ sở tiếp thu ý kiến thẩm định, đơn vị chủ trì hoàn thiện hồ sơ để Đại học Thái Nguyên gửi về Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định phê duyệt.

CHƯƠNG IV QUẢN LÝ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN

Điều 12. Hoàn thành các điều kiện hiệu lực của thỏa thuận tài trợ

1. Sau khi thỏa thuận tài trợ đã được ký kết và quyết định phê duyệt có hiệu lực, cơ quan được giao chủ trì triển khai chương trình, dự án có trách nhiệm chủ động triển khai và chịu trách nhiệm chính về nội dung các điều kiện hiệu lực của thỏa thuận theo đúng yêu cầu và thời hạn đã được quy định trong thỏa thuận tài trợ; trong trường hợp phát sinh nhu cầu khách quan cần sửa đổi, điều chỉnh nội dung của điều kiện hiệu lực hoặc kéo dài thời hạn hiệu lực đã cam kết phải báo cáo ngay nhà tài trợ và cơ quan chủ quản để xin hướng giải quyết.

2. Ban Hợp tác quốc tế là đơn vị đầu mối, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức triển khai và hoàn thành các điều kiện về mặt pháp lý nếu cần thiết.

Điều 13. Ban quản lý chương trình, dự án

1. Đơn vị tiếp nhận chương trình, dự án có trách nhiệm thành lập một Ban quản lý chương trình, dự án (gọi chung là Ban quản lý dự án) trình cơ quan chủ quản chương trình, dự án ra quyết định thành lập Ban quản lý trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi văn kiện chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Ban quản lý dự án được đăng ký sử dụng con dấu riêng theo quy định của pháp luật trong thời gian dự án hoạt động. Ban quản lý dự án được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các ngân hàng thương mại phù hợp với quy định của pháp luật, các điều ước quốc tế hoặc thỏa thuận khác ký với nhà tài trợ.

Giám đốc/Trưởng Ban quản lý dự án có trách nhiệm dự thảo quy chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý dự án, trình cơ quan ra quyết định thành lập ban quản lý dự án phê duyệt. Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban quản lý dự án phải được ban hành trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định thành lập Ban quản lý dự án.

2. Đối với chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ nước ngoài ODA và viện trợ PCPNN quy mô nhỏ, đơn giản, có tổng mức vốn (kể cả vốn đối ứng) dưới một (01) tỷ VNĐ thì chủ dự án, chủ khoản viện trợ có thể không cần thành lập Ban quản lý dự án

mà sử dụng bộ máy chuyên môn của mình để quản lý, điều hành, đồng thời có thể thuê tư vấn quản lý chương trình, dự án hoặc khoản viện trợ phi dự án nếu thấy cần thiết.

3. Trong trường hợp Đại học Thái Nguyên là Chủ dự án, Ban Hợp tác quốc tế chịu trách nhiệm tham mưu cho Giám đốc Đại học trong việc thành lập Ban quản lý dự án, các chức danh chủ chốt (Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng) và trình Giám đốc phê duyệt.

Điều 14. Lập và thực hiện kế hoạch hoạt động

1. Căn cứ điều kiện thực tế, văn kiện dự án và các thỏa thuận khác với đối tác và nhà tài trợ, đơn vị chủ trì thực hiện có trách nhiệm lập kế hoạch hoạt động và gửi báo cáo tiến độ thực hiện cho Đại học Thái Nguyên và các đơn vị giám sát liên quan.

2. Ban Hợp tác quốc tế giám sát kế hoạch hoạt động, cho ý kiến và điều chỉnh nếu tiến độ dự án không được đảm bảo theo đề xuất ban đầu.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh những vấn đề bất khả thi hoặc không phù hợp với điều kiện thực tế, Ban quản lý dự án có thể xin phép sửa đổi, điều chỉnh kế hoạch hoạt động bằng văn bản.

4. Trong trường hợp cơ quan chủ quản, chủ dự án sử dụng nguồn hỗ trợ nước ngoài, ODA hoặc viện trợ PCPNN không thành lập Ban quản lý dự án, đơn vị được giao quản lý, điều hành dự án thực hiện các nhiệm vụ của Ban quản lý dự án nêu tại các Khoản 1 và 2 tại Điều này.

Điều 15. Công tác mua sắm, đấu thầu

1. Việc mua sắm, đấu thầu được thực hiện trên cơ sở nội dung, điều ước quốc tế hoặc thảo thuận quốc tế mà cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước Việt Nam đã ký kết.

2. Việc mua sắm, đấu thầu được thực hiện trên cơ sở hướng dẫn của các văn bản pháp quy của các Bộ, Ban, Ngành theo quy định của luật pháp Việt Nam.

Điều 16. Quản lý tài chính, tài sản và giải ngân tại các chương trình, dự án

1. Các chương trình dự án sử dụng hỗ trợ nước ngoài, ODA và viện trợ PCPNN được thực hiện quản lý tài chính theo quy định của các văn bản pháp luật hiện hành, các cam kết đã ký với nhà tài trợ.

2. Cơ quan chủ quản, đơn vị chủ trì hoặc chủ dự án có thẩm quyền quyết định đối với các hoạt động của chương trình, dự án. Giám đốc/Trưởng ban quản lý dự án được quyền quyết định và tự chịu trách nhiệm trong phạm vi các hoạt động được ủy quyền, phân cấp bằng văn bản và kể từ ngày văn bản có hiệu lực.

3. Đối với các khoản viện trợ bao gồm ODA và viện trợ PCPNN được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư số 225/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính nhà nước đối với viện trợ không hoàn lại nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước.

4. Công tác chi tiêu được thực hiện theo định mức chi tiêu trong nước tại Thông tư số 192/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 của Bộ Tài chính quy định một số định mức chi tiêu áp dụng cho các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức. Trong quá trình thực hiện dự án nếu phát sinh khoản chi chưa có định mức quy định trong các văn bản hướng dẫn hiện hành, Giám đốc Ban quản lý dự án báo cáo, xin ý kiến của Cơ quan chủ quản. Đối với các hoạt động thực hiện qua đấu thầu thì việc thực hiện thanh toán cho nhà thầu theo thoả thuận tại hợp đồng đã ký kết với nhà thầu.

5. Trường hợp có văn bản thoả thuận với nhà tài trợ, việc mua sắm, trang bị tài sản khi triển khai cần tuân thủ các quy định hiện hành.

6. Tùy theo quy mô, tính chất và mô hình tổ chức quản lý của từng chương trình, dự án đơn vị chủ trì hoặc chủ dự án chủ động đề xuất áp dụng chế độ kế toán hành chính sự nghiệp hoặc chế độ kế toán áp dụng cho đơn vị chủ đầu tư và thực hiện các quy định của nhà tài trợ về biểu mẫu báo cáo tài chính.

Điều 17. Chế độ báo cáo, kiểm tra tài chính, kiểm toán và quyết toán

1. Chế độ báo cáo

Đối với các chương trình, dự án ODA: Định kỳ, Ban quản lý dự án có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo theo quy định.

Đối với các khoản viện trợ PCPNN: Định kỳ, Chủ khoản viện trợ có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Thông tư số 07/2010/TT-BKH ngày 30/3/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ PCPNN và các yêu cầu về báo cáo của nhà tài trợ.

Trong trường hợp đột xuất, Ban quản lý dự án có thể được yêu cầu lập báo cáo theo từng nội dung cụ thể và Ban quản lý dự án có trách nhiệm lập báo cáo theo yêu cầu.

2. Kiểm toán

Hàng năm, các tài khoản tạm ứng, thanh toán, sổ sách, hồ sơ kế toán của Ban quản lý dự án, đơn vị chủ trì hoặc chủ dự án (trong trường hợp không thành lập Ban quản lý dự án) phải được một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam thực hiện kiểm toán nếu các quy định pháp luật hiện hành hoặc quy định của nhà tài trợ có báo cáo về Đại học Thái Nguyên và Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ Kế hoạch – Tài chính).

3. Kiểm tra

Ngoài quy định của nhà tài trợ và các cơ quan liên quan kiểm tra tình hình triển khai hoạt động và công tác quản lý tài chính của các chương trình, dự án ODA và khoản viện trợ PCPNN thì Đại học Thái Nguyên sẽ tiến hành kiểm tra định kỳ và đột

xuất, nếu phát hiện sai phạm thì xử lý vi phạm theo quy định hiện hành, kể cả việc yêu cầu nhà tài trợ và Bộ Giáo dục và Đào tạo đình chỉ chuyển vốn.

4. Báo cáo quyết toán

Tất cả các thành phần, các hoạt động của dự án phải được lập báo cáo quyết toán năm và báo cáo quyết toán khi hoàn thành theo đúng các quy định hiện hành.

CHƯƠNG V

KIỂM TRA, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU CHƯƠNG TRÌNH DỰ ÁN

Điều 18. Kiểm tra, giám sát chương trình, dự án

1. Chủ dự án, Chủ khoản viện trợ PCPNN, Ban quản lý dự án chịu trách nhiệm tự kiểm tra việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng nguồn hỗ trợ nước ngoài.

2. Ban Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với các Ban chức năng và các đơn vị chuyên môn kiểm tra việc tiếp nhận, quản lý, sử dụng nguồn vốn hiệu quả.

Điều 19. Đánh giá chương trình, dự án

1. Yêu cầu và mục tiêu:

- So sánh kết quả đạt được tại thời điểm đánh giá với kế hoạch thực hiện chương trình, dự án;

- Đánh giá tình hình thực hiện các nguyên tắc, thủ tục quản lý chương trình, dự án;

- Phát hiện các khó khăn, vướng mắc trong thực hiện chương trình, dự án;

- Đề xuất những biện pháp cần thực hiện để thúc đẩy chương trình, dự án tiến triển đúng mục tiêu, phù hợp với các quy định về tiến độ, phạm vi, khối lượng, chất lượng, kinh phí và phù hợp với các nguyên tắc thủ tục quản lý;

- Trong những trường hợp cần thiết, kiến nghị điều chỉnh một số nội dung trong văn kiện chương trình, dự án và/hoặc trong kế hoạch thực hiện chương trình, dự án;

- Rút ra những bài học kinh nghiệm để áp dụng cho các giai đoạn tiếp theo của chương trình, dự án được đánh giá và/hoặc áp dụng cho các chương trình, dự án khác.

2. Để bảo đảm tính khách quan, minh bạch, công tác đánh giá phải được tiến hành bởi chuyên gia hoặc nhóm chuyên gia, tư vấn độc lập được tuyển chọn theo các quy định hiện hành, có đủ trình độ chuyên môn và kinh nghiệm cần thiết. Công tác đánh giá được tiến hành theo định kỳ và khi có yêu cầu đột xuất. Công tác đánh giá định kỳ được tiến hành theo 4 giai đoạn chủ yếu sau: đánh giá ban đầu, đánh giá giữa kỳ, đánh giá kết thúc và đánh giá sau dự án (đánh giá tác động).

3. Kế hoạch, tổ chức thực hiện và kinh phí cho công tác đánh giá có thể trích từ nguồn hỗ trợ nước ngoài, ODA hoặc viện trợ PCPNN, nguồn vốn đối ứng hoặc nguồn vốn khác trong chương trình, dự án đó.

4. Ban Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức giám sát, đánh giá hoạt động thực hiện chương trình, dự án, trong trường hợp cần thiết có thể thuê tư vấn đánh giá.

Điều 20. Nghiệm thu kết quả chương trình, dự án

1. Chủ dự án, Chủ khoản viện trợ PCPNN tổ chức nghiệm thu, khai thác, sử dụng và có biện pháp để duy trì, phát huy kết quả của chương trình, dự án ODA, khoản viện trợ PCPNN.

2. Ban Hợp tác quốc tế chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức nghiệm thu, bàn giao kết quả của chương trình, dự án, tổ chức quyết toán và bàn giao quản lý tài sản của chương trình, dự án ODA, khoản viện trợ PCPNN theo Thông tư số 07/2010/TT-BKH ngày 30/3/2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thi hành Nghị định số 93/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi Chính phủ nước ngoài.

**CHƯƠNG VI
TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 21. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 22. Trách nhiệm thi hành

1. Ban Hợp tác quốc tế và các Ban chức năng của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và các đơn vị đào tạo trực thuộc Đại học Thái Nguyên chịu trách nhiệm thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, các đơn vị có trách nhiệm phản ánh kịp thời về Đại học Thái Nguyên để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, HTQT.



GS.TS. Đặng Kim Vui